

ỨNG DỤNG ACCESS TRONG CÔNG TÁC QUẢN LÝ NHÂN SỰ VÀ KẾ TOÁN TIỀN LƯƠNG

ACCESS APPLICATIONS IN HUMAN RESOURCE MANAGEMENT AND ACCOUNTING SALARIES

SVTH: Huỳnh Đức Dũng, Nguyễn Thị Khế, Lê Thị Thu Hiền
Lớp 07A3, Ngành Kế toán – Tin học, Trường Cao đẳng Công nghệ Thông tin

GVHD: CN. Vũ Thu Hà
Bộ môn Kế toán – Tin học, Trường Cao đẳng Công nghệ Thông tin

TÓM TẮT

Yếu tố nhân sự và tiền lương là yếu tố quyết định sự tồn tại và phát triển của bất kỳ một tổ chức, doanh nghiệp nào, nó đóng vai trò cốt lõi trong tổng thể hệ thống quản trị nhân sự của doanh nghiệp đó. Tổ chức quản lý nhân sự và kế toán tiền lương như thế nào để mang lại hiệu quả nhất? Đó là bài toán mà tất cả mọi người quản lí cần quan tâm và giải quyết. “Ứng dụng access trong công tác quản lý nhân sự và kế toán tiền lương” xây dựng một chương trình với các ứng dụng thích hợp trong việc quản lý nhân sự, tính lương, xử lý các số liệu kế toán, ghi sổ, in sổ liên quan đến phần hành kế toán tiền lương và các báo cáo kế toán.

ABSTRACT

Human factors and salaries are the decisive factor in the survival and growth of any organization and any business, it serves as the core of the overall human resources management systems of such enterprises. How to organize the management and accounting personnel salaries to bring the best performance? It is the problem that all managers need attention and resolution. “Access applications in human resource management and accounting salaries” built a program with the appropriate application in the management of human resources, payroll, data processing accounting, recording, print books related to the accounting of salaries and other accounting reports.

1. Mở đầu

Việc ứng dụng khoa học kỹ thuật vào quá trình sản xuất và quản lý không còn là mới lạ đối với các doanh nghiệp Việt Nam. Đặc biệt trong quá trình quản lý hiện nay, hầu hết các doanh nghiệp đều sử dụng hệ thống công nghệ thông tin phát triển với sự trợ giúp đắc lực từ các phần mềm quản lý, kế toán... nó giúp các doanh nghiệp có một bộ phận quản lý tốt hơn, xử lý nhanh chóng các chứng từ, giúp các doanh nghiệp nhanh chóng đưa ra được các quyết định đúng đắn kịp thời cho sự phát triển của doanh nghiệp. Trong các phần mềm phổ biến trên thị trường hiện nay, MS OFFICE với MS Access là hệ quản trị cơ sở dữ liệu thông dụng, dễ học, dễ dùng, có thể tiếp cận một cách trực quan và nhanh chóng nhất, mà hầu hết các doanh nghiệp đều có bộ công cụ dành cho văn phòng này. Và điểm nổi bật là nó tuy đơn giản nhưng có thể đạt được các chức năng của phần mềm chuyên nghiệp khác nhau như: quản lý nhân sự, quản lý các chứng từ, các bảng chấm công, báo cáo thống kê, biểu mẫu, tìm kiếm... Dựa trên những ưu điểm đó, nhóm đã tập trung nghiên cứu và xây dựng nên một chương trình quản lý nhân sự và tiền lương chạy trên nền MS Access mang tên “**Ứng dụng access trong công tác quản lý nhân sự và kế toán tiền**

lương”, đề tài nghiên cứu xây dựng một chương trình với các ứng dụng thích hợp trong việc quản lý nhân sự, tính lương, xử lý các số liệu kế toán, ghi sổ, in sổ liên quan đến phần hành kế toán tiền lương và các báo cáo kế toán...

2. Nội dung

2.1. Cơ sở lý thuyết

2.1.1. Khái quát về quá trình quản lý nhân sự

Quá trình quản lý nhân sự bao gồm ba quá trình chính đó là:

- Quản lý hồ sơ: tuyển dụng và đào tạo nhân sự, quản lý hồ sơ thông tin của nhân viên
- Quản lý lương: quản lý các thông tin lương cơ bản, tính lương tháng, thưởng và phụ cấp cho cán bộ công nhân viên
- Quản lý danh mục: Khi một đối tác hay một cổ đông muốn biết thông tin về các phòng ban, hệ thống quản lý nhân sự cần đưa ra thông tin các tổ chức, các phòng ban trong công ty. Đồng thời, khi họ muốn biết thông tin những người lãnh đạo trong các bộ phận bất kì, thông qua các danh mục trong hệ thống nhân sự phòng HCNS có thể đưa ra danh sách các chức vụ trong công ty cùng lý lịch của họ. Danh mục còn cung cấp cho nhân viên lịch làm việc của tuần hoặc tháng tiếp theo để họ có thể chủ động trong công việc...

2.1.2. Khái quát chung về kế toán tiền lương

Tiền lương là biểu hiện bằng tiền của một bộ phận sản phẩm xã hội mà người lao động được sử dụng để bù đắp hao phí lao động của họ trong quá trình sản xuất kinh doanh. Tiền lương (hay tiền công) gắn liền với thời gian và kết quả lao động mà người lao động đã tham gia thực hiện trong quá trình sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

2.2. Ứng dụng MS. Access trong quá trình quản lý nhân sự và tiền lương

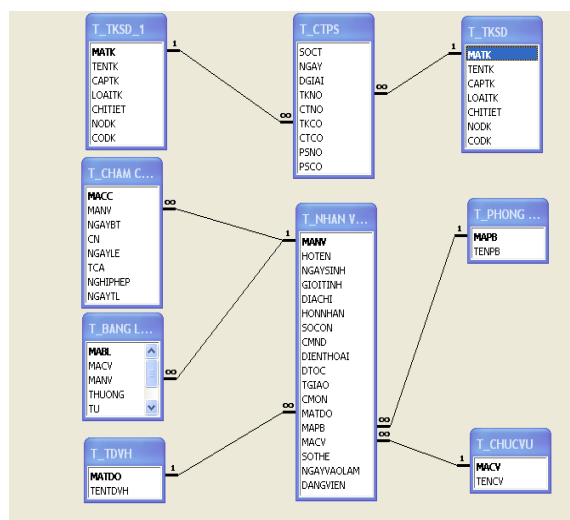
2.2.1. Khái niệm về Access

Microsoft Office Access thường được gọi tắt là MS Access hoặc đơn giản là Access là một phần mềm quản lý cơ sở dữ liệu quan hệ do hãng Microsoft giữ bản quyền. Access thường được đóng gói cùng các phần mềm khác trong bộ Microsoft Office và được sử dụng rộng rãi trong các máy tính cài hệ điều hành Windows.

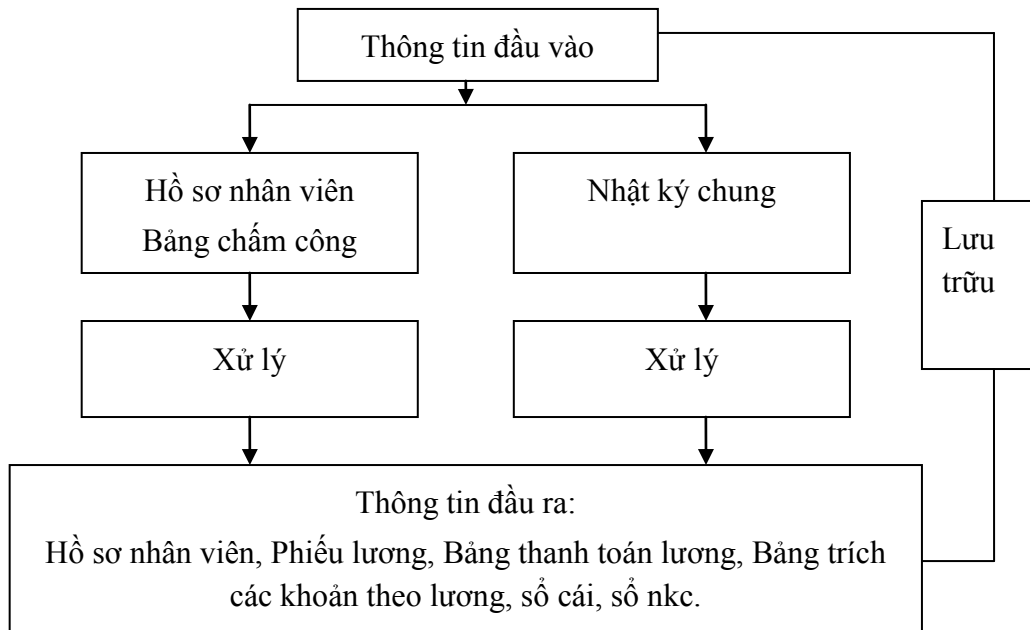
2.2.2. Xác định các thực thể

2.2.3. Mô hình quan hệ dữ liệu và quy trình dòng thông tin

Mô hình quan hệ dữ liệu:



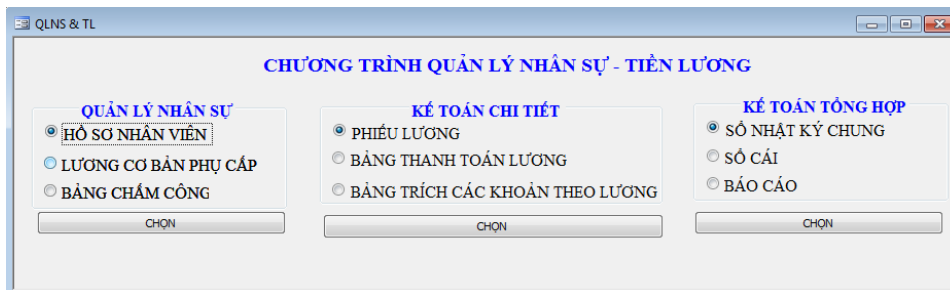
Quy trình dòng thông tin:



2.2.4. Quy trình sử dụng chương trình

Giao diện chính của chương trình bao gồm 3 phần chính (xem hình 1):

- Quản lý nhân sự
- Kế toán chi tiết
- Kế toán tổng hợp



Hình 1: Form chính

2.2.4.1 Chức năng quản lý nhân sự

Form quản lý hồ sơ nhân viên: gồm các chức năng quản lý hồ sơ, thông tin lương cơ bản
Form chấm công: chấm công cho các nhân viên (hình 2)

Hình 2: Form chấm công

Ngày công tính lương được tính theo công thức:

$$\text{Ngày Công tính lương} = \text{Ngày bình thường} + 1,5 * \text{Chủ Nhật} + \text{Ngày Lễ}$$

2.2.4.2 Chức năng Kế toán chi tiết:

Report phiếu lương: chi tiết thông tin lương cho từng nhân viên

Ở đây các khoản được tính theo công thức như sau:

- **TONGLUONG** = $\text{If}([\text{NGAYTL}] = 26, [\text{LGCB}] + [\text{PHUCAP}] + [\text{THUONG}], \text{If}([\text{NGAYTL}] < 26, ([\text{LGCB}] / 26 * [\text{NGAYTL}] + [\text{PHUCAP}] + [\text{THUONG}], \text{If}([\text{NGAYTL}] > 26, ([\text{LGCB}] / 26 * [\text{NGAYTL}] + [\text{PHUCAP}] + [\text{THUONG}])))$
- **BHXH** = $0,05 * [\text{LGCB}]$
- **BHYT** = $0,01 * [\text{LGCB}]$
- **BHTN** = $0,01 * [\text{LGCB}]$
- **THUETNCN** = $\text{If}([\text{TONGLUONG}] = 5000000, 0,05 * [\text{TONGLUONG}], \text{If}([\text{TONGLUONG}] > 5000000 \text{ And } [\text{TONGLUONG}] \leq 10000000, [\text{TONGLUONG}] * 1, \text{If}([\text{TONGLUONG}] > 10000000 \text{ And } [\text{TONGLUONG}] \leq 18000000, [\text{TONGLUONG}] * 1,5, \text{If}([\text{TONGLUONG}] > 18000000, [\text{TONGLUONG}] * 2, 0)))$
- **LUONGTHUCTE** = $[\text{TONGLUONG}] - [\text{BHYT}] - [\text{BHXH}] - [\text{BHTN}] - [\text{THUETNCN}] - [\text{TU}]$

MÃ NV	HỌ TÊN	TỔNG CB	BH	CN	NL	THƯỜNG	LƯƠNG	T.ĐNG	BHXH	BHYT	BHTN	THUETNCN	THUẾ NHẬP	Ký nhận
0001	Nguyễn Hoàng An	4.000.000	23	1	1	200.000	4.042.308	150.000	200.000	40.000	40.000	0	3.612.308	
0002	Nguyễn Quảng	2.500.000	25	1	2	250.000	2.866.154	130.000	125.000	25.000	25.000	0	2.581.154	
0003	La Thị Lê Thu	4.500.000	25	1	1	500.000	4.580.769	250.000	225.000	45.000	45.000	0	4.015.769	
0004	Hoàng Thị Phương Thủy	4.500.000	26	1	1	500.000	5.100.000	350.000	225.000	45.000	45.000	510.000	3.925.000	
0005	Hoàng Văn Phúc	10.000.000	26	1	1	700.000	10.465.385	350.000	500.000	100.000	100.000	569.806	7.845.577	
0006	Lê Đức Hoàng	3.500.000	25	1	1	750.000	4.180.769	450.000	175.000	35.000	35.000	0	3.485.769	
0007	Võ Hoàng Trung	3.700.000	26	0	0	600.000	4.400.000	350.000	185.000	37.000	37.000	0	3.791.000	
0008	Trần Văn Việt	4.000.000	26	0	0	250.000	4.142.308	150.000	200.000	40.000	40.000	0	3.712.308	
0009	Võ Thị Tần Hà	3.000.000	24	1	0	250.000	3.193.846	150.000	150.000	30.000	30.000	0	2.743.846	
0010	Nguyễn Quốc Đại	4.000.000	24	1	1	250.000	4.296.154	0	200.000	40.000	40.000	0	4.016.154	
0011	Bà Nguyễn Xuân Trang	3.000.000	26	1	0	250.000	3.334.615	0	150.000	30.000	30.000	0	3.124.615	
0012	Lưu Thị Tuyết	7.500.000	25	2	0	700.000	8.400.000	300.000	375.000	75.000	75.000	840.000	6.715.000	
0013	Nguyễn Văn Chung	5.700.000	26	2	1	600.000	6.888.462	200.000	265.000	57.000	57.000	688.846	5.000.615	
0014	Nguyễn Văn Hoàng Khanh	4.000.000	26	2	1	250.000	4.757.692	0	200.000	40.000	40.000	0	4.477.692	
0015	Đặng Việt Thành Hoàng	15.500.000	24	2	1	750.000	16.750.000	450.000	775.000	155.000	155.000	512.500	12.702.500	
0016	Nguyễn Văn Đoàn	25.000.000	25	3	1	650.000	27.411.538	550.000	1.250.000	250.000	250.000	482.388	19.629.251	
0017	Nguyễn Hoàng Minh Chư	15.000.000	22	1	1	750.000	14.796.154	0	750.000	150.000	150.000	219.425	11.526.731	
0018	Hà Thị Cúc	650.000	26	1	1	200.000	1.000.000	100.000	32.500	6.500	6.500	0	864.500	
TỔNG:		120.050.000					130.546.154	3.930.000	6.002.500	1.200.500	1.200.500	13.822.888	104.388.769	

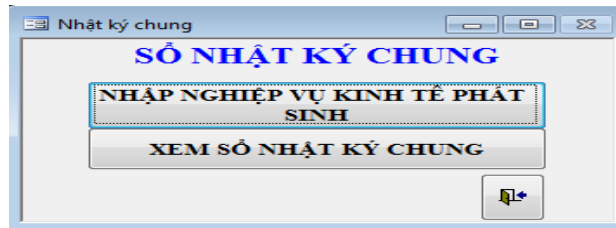
MÃ PB	Tên Phòng Ban	Tổng LCB	Trích BH 19% vào chi phí	Trích BH 7% vào lương NV	Tổng lương	Trích KPCD 2%	Nộp nhà nước	Đề lại DN
BH	Bán Hàng	3.000.000	570.000	210.000	3.103.846	62.077	31.038	31.038
KD	Kinh doanh	15.850.000	3.011.500	1.109.500	17.765.385	355.308	177.654	177.654
KT	Kế toán	34.000.000	6.460.000	2.380.000	34.942.308	698.846	349.423	349.423
QL	Quản lý	40.500.000	7.695.000	2.835.000	44.161.538	883.231	441.615	441.615
SX	Sản xuất	26.700.000	5.073.000	1.869.000	30.573.077	611.462	305.731	305.731
Tổng cộng		120.050.000	22.809.500	8.403.500	130.546.154	2.610.923	1.305.462	1.305.462

Hình 3: Bảng thanh toán lương, bảng kê các khoản trích nộp theo lương

Report Bảng thanh toán lương, bảng kê các khoản trích theo lương (hình 3): theo dõi tình hình thanh toán lương cho tất cả nhân viên có trong dữ liệu và thông tin về các khoản trích nộp theo lương theo quy định của nhà nước.

2.2.4.3 Chức năng Kế toán tổng hợp:

Chọn NHẬT KÝ CHUNG để xem sổ nhật ký chung và nhập các nghiệp vụ kinh tế phát sinh



Hình 4: Sổ nhật ký chung

Sau khi nhập các nghiệp vụ kinh tế phát sinh, chương trình sẽ tự động lên các sổ cái các tài khoản.

NGÀY	SỐ CT	DIỄN GIẢI	TKĐU	Phát sinh Nợ	Phát sinh Có
31/01/2009	PL002	Tổng hợp tiền lương của nhân viên phân xưởng	627	0	54.500.000
31/01/2009	PL002	Tổng hợp tiền lương phải trả cho nhân viên bán hàng	641	0	3.000.000
31/01/2009	PL002	Tổng hợp tiền lương phải trả cho nhân viên QLDN	642	0	15.200.000
31/01/2009	PL002	Tiền lương nghỉ phép thực tế phải thanh toán cho NVSX	335	0	6.700.000
31/01/2009	PL004	Trích BHXH, BHYT, BHTN vào lương theo LCB	338	7.308.000	0
31/01/2009	PL004	Trích quỹ tiền mặt tạm ứng lương cho nhân viên	111	3.830.000	0
02/02/2009	PL001	Tổng tiền lương phải trả cho nhân viên SX/LCB	111	93.712.385	0
31/01/2009	PL002	Tổng hợp tiền lương của nhân viên SX/LCB	622	0	20.000.000
TỔNG CỘNG				104.850.385	99.400.000
SỐ DƯ CUỐI KỲ				5.450.385	0

NGÀY	SỐ CT	DIỄN GIẢI	TK NỢ	TK CÓ	Số Tiền
31/01/2009	PL004	Trích BHXH, BHYT, BHTN vào lương theo LCB	334	338	7.308.000 / 7.308.000
31/01/2009	PL002	Tổng hợp tiền lương phải trả cho nhân viên bán hàng	641	334	3.000.000 / 3.000.000
31/01/2009	PL002	Tổng hợp tiền lương phải trả cho nhân viên QLDN	642	334	15.200.000 / 15.200.000
31/01/2009	PL002	Tiền lương nghỉ phép thực tế phải thanh toán cho NVSX	335	334	6.700.000 / 6.700.000
31/01/2009	PL003	Trích BHXH, BHYT vào CP theo LCB của NVSX	022	338	4.539.000 / 4.539.000
31/01/2009	PL003	Trích BHXH, BHYT vào CP theo LCB của NVPK	027	338	10.115.000 / 10.115.000
31/01/2009	PL002	Tổng hợp tiền lương của nhân viên phân xưởng	027	334	54.500.000 / 54.500.000
31/01/2009	PL003	Trích BHXH, BHYT vào CP theo LCB của NVQLDN	042	338	2.584.000 / 2.584.000
31/01/2009	PL002	Tổng hợp tiền lương của nhân viên SX/LCB	022	334	20.000.000 / 20.000.000
31/01/2009	PL003	Trích KPCC vào CP theo LTT của NVSX	022	338	607.538 / 607.538
31/01/2009	PL003	Trích KPCC vào CP theo LTT của NVPK	027	338	1.328.077 / 1.328.077
31/01/2009	PL003	Trích KPCC vào CP theo LTT của NVBH	041	338	02.077 / 02.077
31/01/2009	PL003	Trích KPCC vào CP theo LTT của NVQLDN	042	338	340.092 / 340.092
31/01/2009	PL004	Trích quỹ tiền mặt tạm ứng lương cho nhân viên	334	111	3.830.000 / 3.830.000
31/01/2009	PL003	Trích BHXH, BHYT vào CP theo LCB của NVBH	041	338	510.000 / 510.000
02/02/2009	PL001	Tổng tiền lương phải trả cho nhân viên	334	111	93.712.385 / 93.712.385
TỔNG CỘNG:					224.336.769 / 224.336.769

Hình 5: Sổ cái, nhật ký chung

3. Kết luận và hướng phát triển

Ngày nay, tất cả các doanh nghiệp đều nhận thức được tính quan trọng của việc xây dựng hệ thống quản lý hiệu quả nhân sự và kế toán tiền lương. Đối với một doanh nghiệp đây là yếu tố cơ bản của quá trình sản xuất và là yếu tố mang tính chất quyết định đến sự tồn tại và phát triển của mỗi doanh nghiệp.

Trong điều kiện nền kinh tế ngày càng phát triển, khoa học kỹ thuật công nghệ ngày càng hiện đại, các doanh nghiệp cần phải hoàn thiện công tác tính và trả lương để vừa

mang tính khoa học, khách quan và hợp lý, phù hợp với tình hình thực tế của doanh nghiệp, nhằm giảm chi phí hoạt động kinh doanh và tối đa hoá lợi nhuận. Từ đó góp phần khuyến khích người lao động hăng say làm việc, phát huy khả năng sáng tạo, nâng cao trách nhiệm quản lý làm tăng năng suất lao động và là đòn bẩy kinh tế quan trọng, đem lại lợi nhuận cao cho doanh nghiệp, giúp doanh nghiệp ngày càng phát triển hơn.

Qua quá trình nghiên cứu nhóm đã xây dựng được một chương trình quản lý nhân sự và kế toán tiền lương cơ bản đáp ứng được một số yêu cầu của các doanh nghiệp trong việc quản lý nhân sự và công tác kế toán tiền lương như: quản lý hồ sơ nhân viên, quản lý lương, tính lương, lên các sổ sách, chứng từ kế toán... tuy nhiên chương trình mới chỉ thực hiện được một phần hành của công tác kế toán, cho nên hướng phát triển của nhóm là tiếp tục hoàn thiện các chức năng hiện có của chương trình, xây dựng thêm các chức năng ứng dụng cho các phần hành kế toán khác để xây dựng nên một chương trình kế toán hoàn chỉnh đáp ứng được nhu cầu sử dụng ngày càng nhiều của các doanh nghiệp hiện nay.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Châu Hoàng Tiêng (2004), *Tin học hóa kế toán bằng access*, Nhà xuất bản Lao động.
- [2] Nguyễn Đăng Khoa (2009), *Ứng dụng Microsoft Access trong Quản lý hành chính*, Nhà xuất bản Khoa học Kỹ thuật.
- [3] TS. Huỳnh Quyết Thắng (2004), *Giáo trình Access và ứng dụng*, Nhà xuất bản Giáo dục.